TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2019/DS-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2019
V/v Tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Nghị
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Nguyễn Thị Tuyết
2. Bà: Khuất Thị Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Giàng Chẩn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử dân sự Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2018/TLST- DSTC, ngày 15 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-DSTC ngày 24 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST - DSTC ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H
Đại diện theo ủy quyền Ông: Hoàng Đức N - Chức vụ: Phó Giám đốc
Địa chỉ:Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H
Địa chỉ: Trường Mầm Non T, huyện B, tỉnh Hà Giang.
Nơi cư trú: Tổ 08, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Mạnh T
Địa chỉ: Trường THCS Q, huyện B, tỉnh Hà Giang.
Nơi cư trú: Tổ 08, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Đức N trình bày: Vào ngày 04 tháng 11 năm 2016 Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H đã thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số: 2159/TDH/2016 tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H cho bà

Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng chẵn*), mục đích vay mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay 60 tháng, mức lãi xuất là 12%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ với số tiền 300.000.000đ và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2159/TDH/2016/KU01, ngày 04/11/2016, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 28 hàng tháng, mỗi kỳ trả 5.000.000đ/tháng, ngày trả nợ cuối cùng 01/11/2021, cam kết đồng trách nhiệm trả nợ đối với toàn bộ khoản vay của người vay vốn tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H ông Trần Mạnh T là chồng bà H; địa chỉ cư trú tại tổ 08, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Giáo viên tại Trường THCS Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hình thức cho vay trừ lương hàng tháng với số tiền 5.000.000đ/tháng (*Năm triệu đồng chẵn*), thời điểm vay tiền bà Nguyễn Thị Thu H công tác tại Trường Mầm Non T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Thu H đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 29/10/2017. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H đã đôn đốc bà H và thực hiện nhiều biện pháp xử lý thu hồi nợ, hiện nay bà H bỏ đi đâu không biết, Trong quá trình trả nợ, chị H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 61.000.000đ. Đến tháng 11/2017, chị H không thanh toán tiền nợ theo cam kết với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu bà H và đồng trách nhiệm trả nợ là ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ gốc 239.000.000 và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 28/02/2019 là 49.102.018đ. Tổng số tiền bà H và ông T phải thanh toán là 288.102.018đ (*Hai trăm tám mươi tám triệu một trăm linh hai nghìn không trăm mười tám đồng*). Quá trình giải quyết vụ án ngày 03/5/2019 bà H đã thanh toán tiền chế độ bảo hiểm xã hội chuyển trả cho ngân hàng được với số tiền 123.938.500đ (*Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*). Ngân hàng đã trừ vào khoản nợ gốc cho bà H. Hiện nay bà H còn nợ số tiền gốc 116.010.533đ và số lãi phát sinh tính từ ngày 29/10/2017 đến ngày 05/8/2019 là 62.730.289đ Tổng cộng cả gốc và lãi là 178.740.822đ đề nghị Tòa án xử buộc bà H trả số tiền còn nợ trên.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Hồng nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án. Bà H hiện đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, Tòa án đã xác minh tại nơi cư trú, nơi công tác của bà H và niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định và tiến hành giải quyết, xét xử theo quy định chung.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Mạnh T khai và xác nhận: Ông xác nhận việc vợ ông là bà H vay tiền ở Ngân hàng Liên Việt là đúng, tuy nhiên chữ ký trong hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Liên Việt khi vợ ông vay tiền không phải là chữ ký của ông. Khi bà H lấy tiền về ông cũng không được biết việc bà H vay tiền về để chi tiêu trong gia đình hay để làm gì. Tuy nhiên ông vẫn nhất trí trả nợ thay cho bà H, nhưng hiện nay con ông còn nhỏ, bà Hồng vợ ông đã xin nghỉ việc và đi làm ăn xa ông không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, vì vậy chưa đủ khả năng để trả nợ cho Ngân hàng thay cho bà H. Đề nghị khi nào con ông lớn, ông xin

được trả dần số tiền nợ trên cho Ngân hàng. Ông T nhất trí phối hợp cùng với phía Ngân hàng đối với sổ bảo hiểm xã hội hiện nay do ông cầm giữ sẽ có trách nhiệm thanh toán với bảo hiểm xã hội chuyển số tiền được thanh toán trả cho Ngân hàng.

Tại công văn số 1104/2019/XLN - LPBHG ngày 24/6/2019 của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Giang về việc không đề nghị Tòa án giám định chữ ký của ông Trần Mạnh T trong giấy cam kết đồng trách nhiệm trả nợ trong hồ sơ vay vốn của bà Nguyễn Thị Thu H.

Tại biên bản làm việc và văn bản của trường Mầm Non T, huyện B, tỉnh Hà Giang xác nhận bà Nguyễn Thị Thu H trước đây là giáo viên trường Mầm Non T, trong thời gian công tác tại trường bà H có làm đơn vay vốn Ngân hàng Liên Việt vay số tiền 300.000.000,đ (*Ba trăm triệu đồng*) vào tháng 11/2016, nhà trường có ký xác nhận trả qua lương hàng tháng cho bà H đến tháng 10/2017 do điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn bà H đã làm đơn xin thôi việc và có quyết định của UBND huyện B cho bà H nghỉ việc, do đó bà H không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, Nhà trường đã bàn giao sổ bảo hiểm xã hội cho bà H, còn việc thanh toán hay chưa nhà trường không nắm được hiện tại nhà trường không còn khoản thu nhập nào của bà H. Lý do nhà trường xác nhận cho bà H vay tiền nhà trường chỉ xác nhận về con người và tiền lương đang hưởng trong thời gian bà H vay tiền, còn Ngân hàng thỏa thuận cho cá nhân bà H vay là do Ngân hàng. Vì vậy nhà trường không có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ban đầu đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H có trách nhiệm thanh toán trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 05/8/2019: Nợ gốc là 116.010.533,đ; Nợ lãi là 62.730.289,đ (*trong đó:lãi 42.393.463,đ; phạt lãi 7.755.211,đ; phạt vốn 12.581.615,đ*). Tổng cộng gốc và lãi là 178.740.822,đ *(Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).*

Bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt không có lý do nên không đưa ra được quan điểm của mình.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có QLNVLQ thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 280, 282, 357, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010,

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ngân hàng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 2159/TDH/2016 ký ngày 04/11/2016, tổng số nợ gốc và nợ lãi là: 178.740.822,đ (*Trong đó: Nợ gốc 116.010.533,đ; Nợ lãi*

62.730.289đ). Ngoài ra, bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 06/8/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CUẢ TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Người khởi kiện yêu cầu buộc người vay tiền phải trả khoản nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và nguyên đơn đã chọn khởi kiện tại nơi Tòa án nơi thực hiện hợp đồng tín dụng. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Tại các biên bản xác minh địa chỉ của bị đơn của Tòa án nhân dân thành phố H tại Trường Mầm non T, huyện B, tỉnh Hà Giang và tổ dân phố tổ 8, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đã xác định: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Trần Mạnh T có địa chỉ cư trú tại: Tô 8, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang hiện nay hộ khẩu của chị H, anh T vẫn ở địa chỉ trên nhưng chị H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và cố tình giấu địa chỉ, không báo cho Ngân hàng Liên Việt H cũng như chính quyền địa phương biết. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của chị H nhưng chị H không đến tham gia tố tụng. Phía anh T hiện nay vẫn cư trú tại địa chỉ trên nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên Tòa. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Ngày 04/11/2016 Ngân hàng Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H và bà Nguyễn Thị Thu H đã thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 2159/TDH/2016 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh H cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng chẵn*), mục đích vay mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay 60 tháng, mức lãi xuất là 12%/năm, không có bảo đảm bằng tài sản, mà cam kết trả nợ từ tiền lương hàng tháng với số tiền là 5.000.000,đ/tháng (*Năm triệu đồng)*. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã vi phạm cam kết về việc trả nợ với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 29/10/2017, phía Ngân hàng đã làm văn bản và làm giấy mời bà H đến làm việc giải quyết khoản nợ nhưng bà H không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Theo giấy cam kết đồng trách nhiệm trả nợ ngày 04/11/2016 có chữ ký của chồng bà H là ông Trần Mạnh T là người đã ký vào cam kết đồng trách nhiệm trả nợ với bà H. Ngân hàng đã giải ngân cho bà H vay hợp đồng với tổng số tiền là 300.000.000đ. Sau khi vay vốn tại Ngân hàng, bà H đã trả được một phần gốc, lãi của hợp đồng. Từ ngày 29/10/2017, bà H đã không trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng cho khoản vay trên. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu người vay tiền bà H và

đồng trách nhiệm trả nợ ông T đến làm việc nhưng bà H, ông T không đến. Tại biên bản xác minh của Tòa án tại Trường Mầm Non T, huyện B, tỉnh Hà Giang tỉnh Hà Giang là trường trước đây bà H công tác và ký vào giấy ủy quyền giữ lại thu nhập để trả nợ cho biết bà H có đơn xin nghỉ việc, tháng 10/2017 UBND huyện B ra quyết định nghỉ việc đối với bà H hiện nay bà H làm gì ở đâu nhà trường không biết. Đối với các chế độ của bà H không còn chế độ gì ở nhà trường sổ bảo hiểm xã hội nhà trường đã trả lại cho bà H giữ. Bà H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, trốn tránh trách nhiệm trả nợ, không báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới. Đối với ông T chồng bà H cho rằng không được ký vào giấy đồng trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, chữ ký và viết trong giấy không phải là chữ ký của ông, phía Ngân hàng đã có văn bản không đề nghị giám định chữ ký của ông T trên giấy cam kết đồng trách nhiệm trả nợ và yêu cầu ông Trần Mạnh T không phải chịu trách nhiệm liên đới đến khoản vay của bà H nên không có cơ sở buộc ông T đồng trách nhiệm trả nợ cùng bà H. Bị đơn bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, 282, Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình giải quyết vụ án ngày 03/5/2019 bà H đã thanh toán tiền chế độ bảo hiểm xã hội chuyển trả cho ngân hàng được với số tiền 123.938.500đ (*Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*). Ngân hàng đã trừ vào toàn bộ khoản gốc còn nợ cho bà H. Tính đến thời điểm xét xử (Ngày 05/8/2019) bà H còn nợ số tiền gốc 116.010.533,đ và lãi 62.730.289đ tổng cộng gốc và lãi là 178.740.822,đ (*Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*). Do vậy, buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Liên Việt H số tiền gốc còn nợ, lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn tính đến ngày 05/8/2019 theo hợp đồng tín dụng số: 2159/TDH/2016, cụ thể: Nợ gốc: 116.010.533đ; Nợ lãi: 62.730.289đ. Tổng cộng là 178.740.822đ đ (*Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 144, 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ý b; 1.3 danh mục II danh mục án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 282, 357, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ý b; 1.3 danh mục II danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Chi nhánh H về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H; Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H số tiền nợ gốc: 116.010.533đ, nợ lãi 62.730.289đ, tổng cộng: 178.740.822đ (*Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 06/8/2019 bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền còn nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 2159/TDH/2016 ngày 04/11/2016, số tiền: 116.010.533đ (*Một trăm mười sáu triệu không trăm mười nghìn năm trăm ba mươi ba đồng*) cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.937.000đ (*Tám triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng)*.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H 6.682.000đ (*Sáu triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp (*Đào Thu H nộp tiền)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số: 00973 ngày 12/10/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nghị

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSNDTPH;
- Các đương sự;
- THADSTPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.